



THỰC HỌC – THỰC NGHIỆP



Conceive Design Implement Operate

## LẬP TRÌNH PHP1

PHP & MYSQL

- ⊙ PHP & MySQLi Connection
- ⊙ PHP & MySQLi tạo cơ sở dữ liệu
- ⊙ PHP & MySQLi tạo bảng
- ⊙ PHP & MySQLi Select
- ⊙ PHP & MySQLi SELECT có điều kiện từ url
- ⊙ Phân trang với PHP & MySQLi





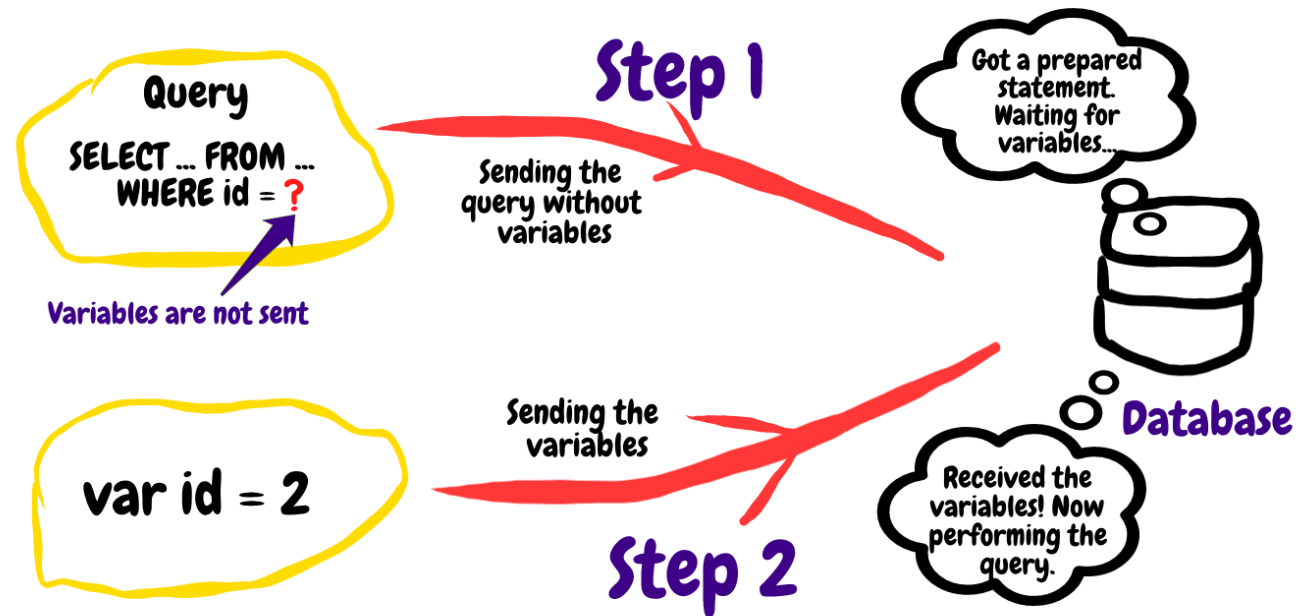
PHẦN 1

## ❖ MySQL

- Được thêm vào từ PHP 2.0 và không được chấp nhận kể từ PHP 5.5.0
- Không hỗ trợ prepared statement

## ❖ MySQLi

- Được thêm vào trong PHP 5.5 và sẽ hoạt động trên MySQL 4.1.3 trở lên
- Hỗ trợ prepared statement



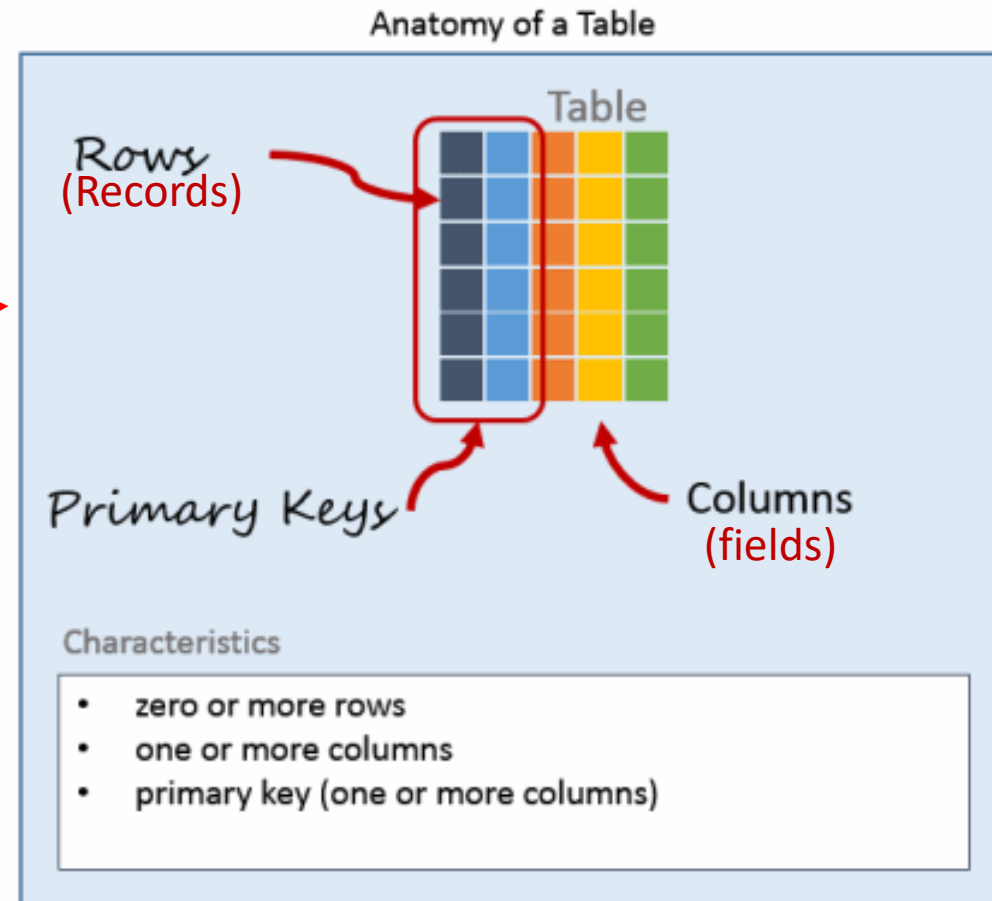
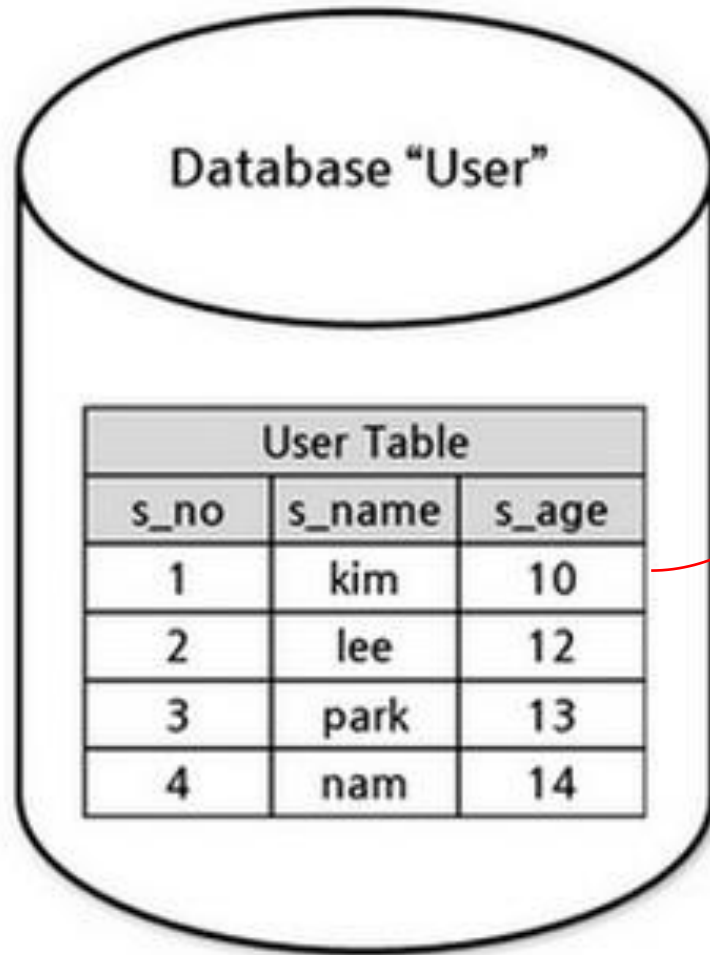
## ❖ MySQL

- ❖ cung cấp procedural interface
- ❖ Không hỗ trợ stored procedure
- ❖ Tương đối thua kém về bảo mật và các tính năng đặc biệt khác

## ❖ MySQLi

- ❖ Cung cấp procedural và OOP interface
- ❖ Hỗ trợ stored procedure
- ❖ Được tăng cường bảo mật và cải thiện gỡ lỗi

## □ Ôn tập



❑ Kết nối đến cơ sở dữ liệu

❑ Hướng thủ tục

```
$connection = mysqli_connect( $server,  
$db_username, $db_password, $database);
```

❑ Hướng OOP

```
$connection = new mysqli(  
$server, $db_username, $db_password, $database);
```

## □ Ý nghĩa các tham số

❖ **\$server**: tùy chọn – tên máy chủ đang chạy cơ sở dữ liệu

Ví dụ: localhost, mysql.sakura.com

❖ **\$db\_username**: tùy chọn – username truy xuất vào cơ sở dữ liệu

❖ **\$db\_password**: tùy chọn – mật khẩu của user truy xuất vào cơ sở dữ liệu.

❖ **\$database**: tên cơ sở dữ liệu



- ❑ Đóng kết nối đến cơ sở dữ liệu

- ❑ Hướng thủ tục

```
mysqli_close($connection);
```

- ❑ Hướng OOP

```
$connection->close();
```

## ❏ Ví dụ

🐘 index.php

```
1  <!DOCTYPE html>
2  <html>
3      <body>
4          <?php
5              $server="localhost";
6              $db_username = "root";
7              $db_password = "";
8              $database = "mvcframework";
9
10             $connection = mysqli_connect($server, $db_username, $db_password, $database);
11
12
13             if($connection == false) {
14                 die("Error: " . mysqli_error_connect());
15             }
16
17             mysqli_close($connection);
18         ?>
19     </body>
20 </html>
21
```

❑ **Truy vấn dữ liệu:** `query()` và `mysqli_query()`

❑ **OOP style** (hướng đối tượng):

`$connection->query($query, $resultmode)`

❑ **Procedural style** (hướng thủ tục):

**`mysqli_query`***(\$connection, \$query, \$resultmode)*

- ❖ `$connection`: bắt buộc, kết nối cơ sở dữ liệu.
- ❖ `$query`: bắt buộc, câu truy vấn.
- ❖ `$resultmode`: không bắt buộc.
  - `MYSQLI_USE_RESULT`: dùng để truy xuất lượng lớn dữ liệu
  - `MYSQLI_STORE_RES`: mặc định

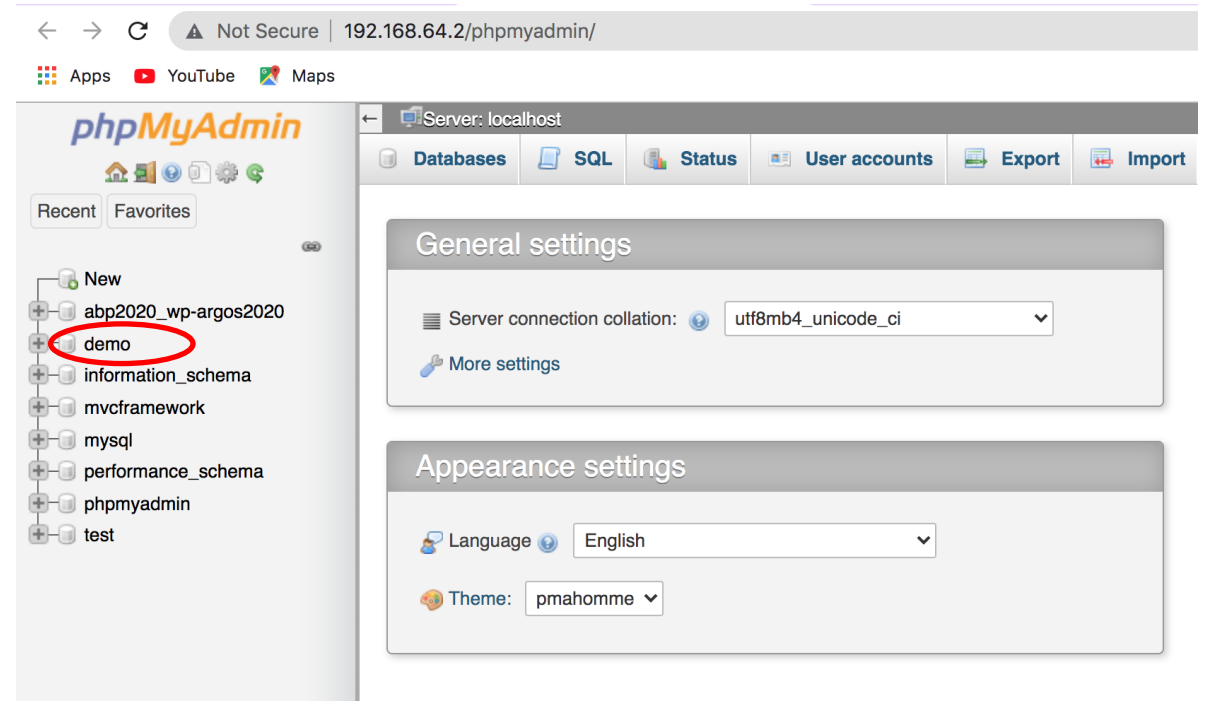
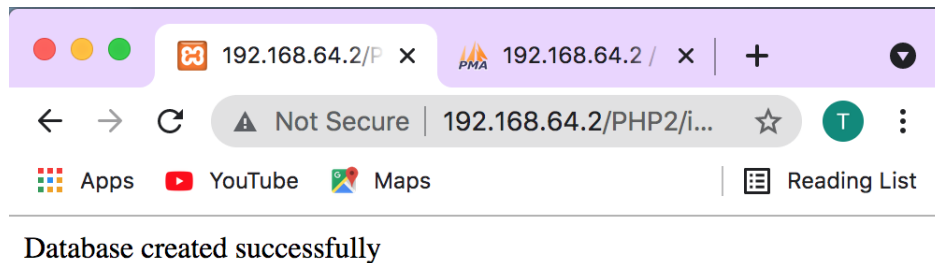
\*\*\*\*\* Các ví dụ sẽ trình bày theo OOP style.

## ❑ Tạo cơ sở dữ liệu

❖ Câu truy vấn để tạo cơ sở dữ liệu: `CREATE DATABASE <database_name>`

Ví dụ: `CREATE DATABASE demo`

❖ `$connection->query($query)`: thực hiện câu lệnh query



## □ Tạo cơ sở dữ liệu

```
// Create database demo
```

```
$query = "CREATE DATABASE demo";
```

```
if ($connection->query($query) === TRUE)
```

```
{
```

```
    echo "Database created successfully";
```

```
}
```

```
else
```

```
{
```

```
    echo "Error creating database: " . $con->error;
```

```
}
```

Câu truy vấn để tạo cơ sở dữ liệu

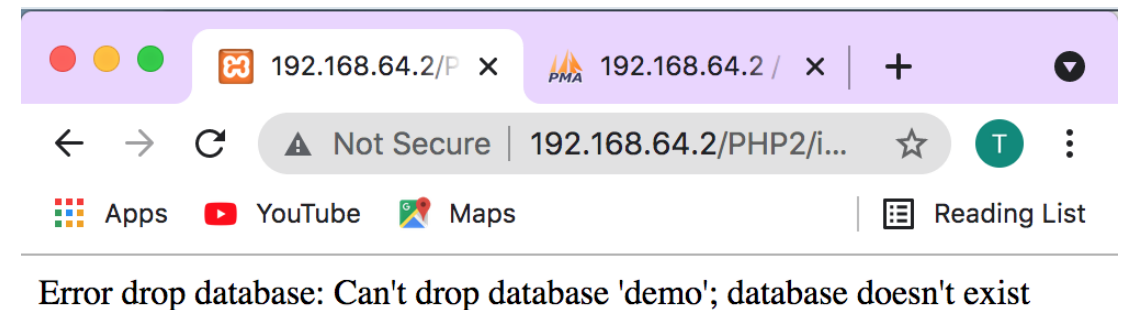
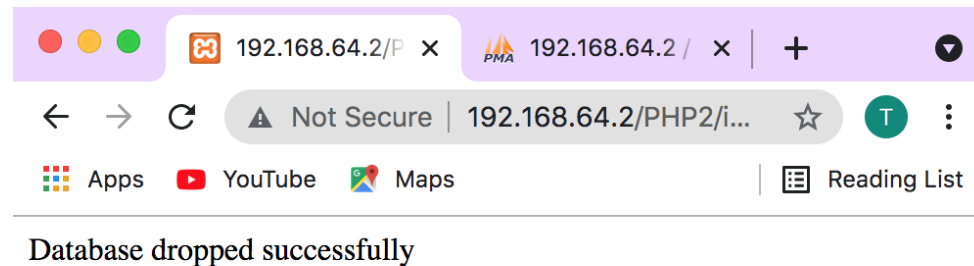
Thực hiện truy vấn dữ liệu với hàm query()

## ❑ Xóa cơ sở dữ liệu

❖ Câu truy vấn xóa cơ sở dữ liệu: `DROP DATABASE <database_name>`

Ví dụ: `DROP DATABASE demo`

```
// Drop database demo
$query = "DROP DATABASE demo";
if ($connection->query($query) === TRUE)
{
    echo "Database dropped successfully";
}
else
{
    echo "Error drop database: " . $connection->error;
}
```



## □ Tạo table

❖ Truy vấn tạo bảng:

```
create table users( id INT AUTO_INCREMENT,  
                    name VARCHAR(20) NOT NULL,  
                    salary INT NOT NULL, primary key (id) )
```

```
$query = "CREATE TABLE users(  
    id INT AUTO_INCREMENT,  
    name VARCHAR(20) NOT NULL,  
    salary INT NOT NULL,  
    primary key (id)  
)";  
if ($connection->query($query)){  
    echo "Table user created successfully";  
}else{  
    echo "Error creating database: " . $connection->error;  
}
```

- ❑ **Select** được sử dụng để hiển thị dữ liệu từ table
- ❑ Hiển thị tất cả dữ liệu sử dụng `SELECT * FROM table_name`
- ❑ Hiển thị những cột (field, trường) cần hiển thị  
`SELECT field1, field2, ... FROM table_name`

❖ Câu lệnh ***select***

**SELECT** column\_name(s) **FROM** table\_name



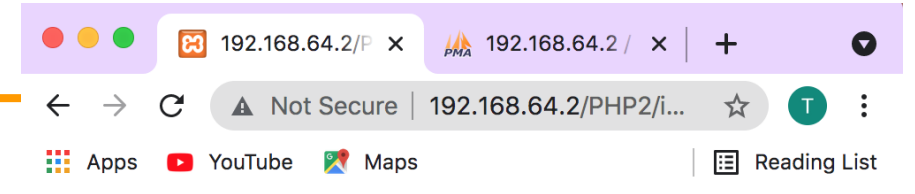
- ❑ Các hàm được sử dụng hiển thị dữ liệu từ SELECT
- ❑ Số lượng rows (records)
  - ❖ OOP: **`$result->num_rows`**
  - ❖ Procedural: **`mysqli_num_rows($result)`**  
Với `$result = $connection->query($query);`
- ❑ Trả về các records (rows) dưới dạng mảng: mỗi key của mảng đại diện cho tên field của table. Trả về NULL nếu không có record nào.
  - ❖ OOP: **`$result->fetch_assoc()`**
  - ❖ Procedural: **`mysqli_fetch_assoc($result)`**  
\*\*\*Với `$result = $connection->query($query);`

- ❑ Các hàm được sử dụng hiển thị dữ liệu từ SELECT
  - ❑ Nạp 1 record select được dưới dạng mảng kết hợp (mảng có key là number hoặc key là field)
    - ❖ OOP: **`$result->fetch_array(resulttype)`**
    - ❖ Procedural: **`mysqli_fetch_array ($result, resulttype)`**
- \*\*\* Với resulttype**
- MYSQLI\_ASSOC : key của mảng là tên field
- MYSQLI\_NUM: key của mảng là number
- MYSQLI\_BOTH (mặc định): cả 2

## ❏ Ví dụ

```
$query = "SELECT * FROM users";
$result = $connection->query($query);
print_r($result);
if($result->num_rows > 0){
    while($row = $result->fetch_assoc()){
        echo "EMP ID :".$row['id']."<br> ".
            "EMP NAME :".$row['name']."<br> ".
            "EMP SALARY : ".$row['salary']." <br> ".
            "-----<br>";
    } //end of while
}else{
    echo "0 results";
}
```

Tên  
field/column



```
mysqli_result Object ( [current_field] => 0 [field_count] => 3 [lengths] =>
[num_rows] => 1 [type] => 0 ) EMP ID :1
EMP NAME :suhail
EMP SALARY : 90000
-----
```

demo



PHẦN 2

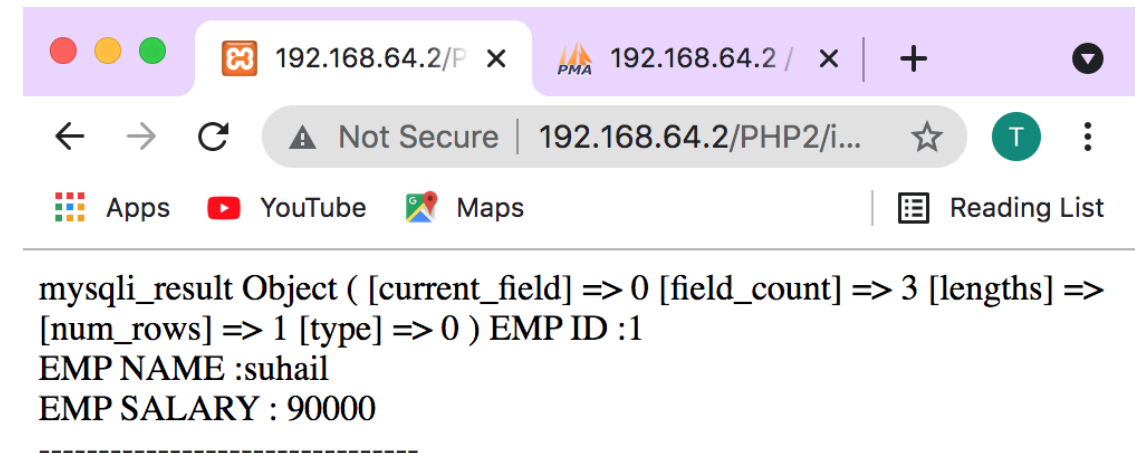
- ❑ Hiển thị dữ liệu có điều kiện: `SELECT`  
`column_name1, column_name2 FROM table_name WHERE`  
`column_name = value`
- ❑ Mệnh đề WHERE được sử dụng để trích xuất những record thoả điều kiện
- ❑ Mệnh đề WHERE là một phần của lệnh SELECT
- ❑ Ví dụ
  - Cho biết id của người dùng có tên
  - Cho biết thông tin của người dùng id là 1

## ❑ Ví dụ

- Cho biết id của người dùng có tên là Suhail

```
SELECT id FROM users WHERE name="Suhail"
```

```
$query = "SELECT * FROM users";
$result = $connection->query($query);
print_r($result);
if($result->num_rows > 0){
    while($row = $result->fetch_assoc()){
        echo "EMP ID :".$row['id']."<br> ".
            "EMP NAME :".$row['name']."<br> ".
            "EMP SALARY : ".$row['salary']." <br> ".
            "-----<br>";
    } //end of while
}else{
    echo "0 results";
}
```

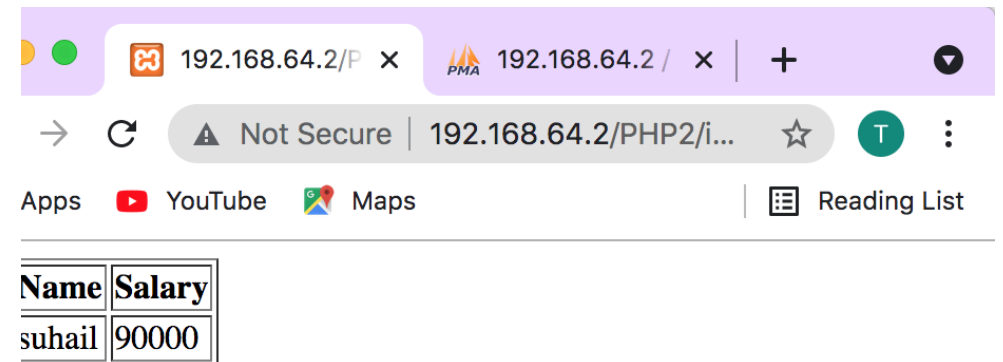


## ❑ Ví dụ

- Cho biết thông tin của người dùng id là 1

```
SELECT * FROM users WHERE id= 1
```

```
if($result->num_rows > 0){  
    $row = $result->fetch_array();  
    echo "<table border='1'>";  
    echo "<tr><th>ID</th><th>Name</th><th>Salary</th></tr>";  
    echo "<tr>";  
    echo "<td>".$row['id']. "</td>";  
    echo "<td>".$row['name']. "</td>";  
    echo "<td>".$row['salary']. "</td>";  
    echo "</tr>";  
    echo "</table>";  
}else{  
    echo "0 results";  
}
```





- ❑ Trước khi đóng kết nối cần giải phóng bộ nhớ liên quan đến kết quả được trả về từ `mysqli_query()`
- ❑ Cú pháp `mysqli_free_result()`
- ❑ Ví dụ:

```
$sql="SELECT Lastname, Age FROM Persons ORDER BY Lastname";  
if ($result=mysqli_query($con,$sql))  
{  
    // Fetch one and one row  
    while ($row=mysqli_fetch_row($result))  
    {  
        printf ("%s (%s)\n", $row[0], $row[1]);  
    }  
    // Free result set  
    mysqli_free_result($result);  
}  
mysqli_close($con);
```

## ❑ Hiển thị dữ liệu với giá trị lấy từ url




### CPANEL

Products	3
Orders	0
Category	7

Logout

### ALL PRODUCTS

Filter  [Add Product](#)

ID	IMAGE	PRODUCT	DESCRIPTION	PRICE	CATEGORY	ACTION
80		Product 101	This is a sample description	300.5	Hard Disk	<a href="#">Edit</a>   <a href="#">Delete</a>
81		wer	dsf	3400	Keyboard	<a href="#">Edit</a>   <a href="#">Delete</a>
82		Product 202	Quick description	100	Laptops	<a href="#">Edit</a>   <a href="#">Delete</a>

Page.php?para1=value&para2=value&....

`$_GET['para1']`

192.168.64.2/ecommerce/editproductdetails.php?id=80

❑ Lấy dữ liệu từ url: **`$_GET['para']`**

❑ Ví dụ:

```
$id = $_GET['para']; //id=80
```

```
SELECT * FROM products WHERE id='$id'
```

## ❑ Phân trang (Pagination)

id	First Name	Last Name	City Name	Email	Date Time
1	Divya	Sundar	Test	divya@gmail.com	28-07-2020
2	ddd	ddd	ddd	ddd@ddd.de	28-07-2020
3	dnshen	jxsne	xjdndm	jssj@gmail.com	28-07-2020
4	MMALIK	MAL	LMLSLMmmm	LSLMS@GMAIL.COM	28-07-2020
5	Sa	MALIK	MAYA	MAL@GMAIL.COMS	28-07-2020
6	harshit	kumar	india	harshitchauhan88@yahoo.com	28-07-2020
7	Norel	Kedar	sdadasd	norel2261995@gmail.com	28-07-2020
8	etrythjh	erdf	Neumarkt	lisaa.goetz@web.de	28-07-2020
9	rana	bilal	sahiwal	teto22@gemo.com	28-07-2020
10	Kuldeep	Test1	Chicago	admin@gmail.com	28-07-2020

[1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) [9](#) [10](#)

pagination.php?page=5

Các tham số cần có để phân trang

- Trang thứ mấy (`page = $_GET ['page ']`)
- Số lượng records trong mỗi trang cần hiển thị (`limit`)

## ❑ Phân trang (Pagination)

```
SELECT * FROM user_table ORDER BY userid ASC LIMIT
$start_from, $limit
```

❑ ORDER BY id ASC/DESC: sắp xếp record tăng dần/giảm dần theo id

❑ \$start: record bắt đầu

❑ \$limit: số lượng records cần lấy

Ví dụ: mỗi trang hiển thị 10 records(rows)

page 1:	$\$start = 0$	$\$limit = 10$
---------	---------------	----------------

page 2:	$\$start\_from = (2-1)*10$	$\$limit = 10$
---------	----------------------------	----------------

page 3:	$\$start\_from = (3-1)*10$	$\$limit = 10$
---------	----------------------------	----------------

...

page n:	$\$start\_from = (page-1)*limit$	$\$limit = 10$
---------	----------------------------------	----------------

## ❏ Ví dụ

```
$limit = 10;
if (isset($_GET["page"])) {
    $page = $_GET["page"];
}
else{
    $page=1;
};
$start_from = ($page-1) * $limit;
$query = "SELECT * FROM products ORDER BY id ASC LIMIT $start_from, $limit";
$result = $connection->query($query);
```

demo

- ✓ PHP & MySQLi Connection
- ✓ PHP & MySQLi tạo cơ sở dữ liệu
- ✓ PHP & MySQLi tạo bảng
- ✓ PHP & MySQLi Select
- ✓ PHP & MySQLi SELECT có điều kiện từ url
- ✓ Phân trang với PHP & MySQLi





thank  
you!